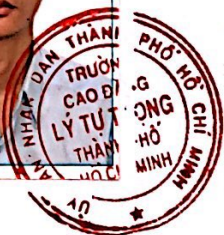


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 01 năm 2020



PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

Vị trí dự tuyển⁽¹⁾: Giảng Viên Động Lực

Đơn vị dự tuyển⁽²⁾: Trường Cao Đẳng Lý Tự Trọng
Thành Phố Hồ Chí Minh

Mã số đăng ký dự tuyển: GV01

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Họ và tên: Đỗ Hoàng Duy.....	Ngày, tháng, năm sinh: 10/08/1989	Nam ☒ Nữ ☐
Dân tộc: Kinh	Tôn giáo: Không	
Số CMND hoặc Thẻ căn cước công dân: 079089012650	Ngày cấp: 26/02/2019.....	
Nơi cấp: TP. Hồ Chí Minh		
Số điện thoại để báo tin: 096.194.2918	Email: duydongsonoto@gmail.com	
Quê quán: Tân Hiệp, Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh.....		
Hộ khẩu thường trú: 114/2B, ấp 1, Xuân Thới Sơn, Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh		
Chỗ ở hiện nay (để báo tin): 114/2B, ấp 1, Xuân Thới Sơn, Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh		
Tình trạng sức khỏe: Bình thường , Chiều cao: 161cm	Cân nặng: 46kg	
Thành phần bản thân hiện nay: Đã lập gia đình		
Trình độ văn hóa: Đại học		
Trình độ chuyên môn: Kỹ Thuật Cơ Khí		
Loại hình đào tạo: Chính quy		

II. THÔNG TIN ĐÀO TẠO

Ngày, tháng, năm cấp văn bằng, chứng chỉ	Tên trường, cơ sở đào tạo cấp	Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Số hiệu của văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Xếp loại bằng, chứng chỉ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
26/08/2014	ĐH Giao Thông Vận Tải TP. HCM	Kỹ Sư	275575	Máy Xây Dựng	Kỹ Thuật Cơ Khí	Chính quy	TB
15/01/2010	ĐH Ngoại Ngữ Tin Học TP.HCM	C/c Tin Học	0149850	Trình Độ B		Chứng chỉ	Giỏi
25/02/2013	ĐH Giao Thông Vận Tải TP. HCM	C/c Tiếng Anh	A855823	Trình Độ B		Chứng chỉ	TB
04/10/2018	ĐH Sư Phạm Hà Nội 2	C/c Nghiệp Vụ Sư Phạm	030139	Nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên đại học, cao đẳng		Chứng chỉ	Giỏi
04/03/2019	ĐH. Khoa Học Tự Nhiên TP. HCM	C/c Tin Học	0887261	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		Chứng chỉ	6 & 7.8

THÀNH
TRƯỜNG
CAO ĐẲNG
LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH

III. ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN (nếu có)

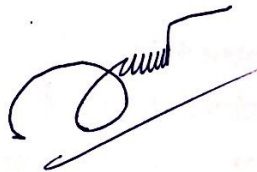
.....

.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên của tôi là đúng sự thật. Sau khi nhận được thông báo trúng tuyển tôi sẽ hoàn thiện hồ sơ và nộp theo đúng thời gian quy định. Nếu sai sự thật thì kết quả tuyển dụng của tôi sẽ bị Nhà trường hủy bỏ, tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết không đăng ký tham gia kỳ tuyển dụng kế tiếp tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh./.

NGƯỜI VIẾT PHIẾU

(Ký, ghi rõ họ tên)



Đỗ Hoàng Duy

TP Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 02 năm 2019

NGƯỜI VIẾT PHIẾU

THÀNH VIÊN BAN KIỂM TRA

Huân Lộc

Nguyễn Thị Hoa

Hà Văn Sĩ

Ghi chú:

- (1) Ghi đúng vị trí việc làm đăng ký dự tuyển;
- (2) Ghi đúng tên cơ quan, tổ chức, đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng;
- (3) Người viết phiếu tích dấu X vào ô tương ứng ô Nam, Nữ.



**PHÂN NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ
CỦA BAN KIỂM TRA PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN**

Người dự tuyển: **Đỗ Hoàng Duy**

Sinh ngày: 08/10/1989

Mã số đăng ký dự tuyển: GV01

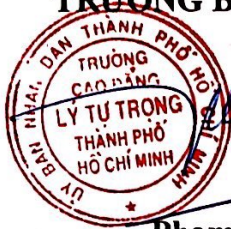
Ngành dự tuyển: Động lực

Các văn bằng, chứng chỉ trên của ứng viên phù hợp với điều kiện dự tuyển viên chức của trường. Về tính xác thực của các văn bằng, chứng chỉ, Nhà trường sẽ tiếp tục xác minh thông qua liên hệ với các cơ sở đào tạo.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2020

TRƯỞNG BAN KIỂM TRA

THÀNH VIÊN BAN KIỂM TRA



Phạm Hữu Lộc

Nguyễn Thị Hoa

Hồ Văn Sĩ

CHỖ CHỮ

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR

HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF TRANSPORT

has conferred

THE DEGREE OF ENGINEER

Mechanical Engineering

(Road-Making and Construction Machinery)

Upon: *Mr. Do Hoang Duy*

Date of birth: 10 Aug 1989

Year of graduation: 2014

Degree classification: Ordinary

Mode of study: Full-time

Reg. No: 12933

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI TP. HỒ CHÍ MINH

cấp

BẰNG KỸ SƯ

Kỹ thuật cơ khí

(Máy xây dựng)

Cho: *Ông Đỗ Hoàng Duy*

Ngày sinh: 10/08/1989

Năm tốt nghiệp: 2014

Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình

Hình thức đào tạo: Chính quy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2014



Số hiệu: 275575

Số vào sổ cấp bằng: 12933

PGS.TS. Nguyễn Văn Thư

R

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Giai đoạn 1

Sinh Viên **ĐỖ HOÀNG DUY**
Ngày Sinh **10/08/1989**
Ngành **Kỹ thuật cơ khí**
Chuyên ngành **Máy xây dựng**

Mã SV **0751140008**
Nơi Sinh **TP HCM**
Khóa Học **2007-2012**
Hệ Đào Tạo **Đại học chính quy**

Mã MH	Tên Môn Học	TC	Điểm	Điểm hệ 4
HK 1 - NH 07-08 - MX07				
ANH047	Tiếng Anh 1	4	6.0	B 2.50
HHC081	Môi trường	1.3	7.0	B 3.00
HVK072	Hình học họa hình	2.7	7.0	B 3.00
NTT114	Tin học đại cương	3	6.0	B 2.50
TDT011	Giáo dục thể chất 1		7.0	B 3.00
TOA026	Toán cao cấp 1	3.4	5.0	C 2.00
TRT066	Triết học	4	7.0	B 3.00
CHG051	Quân sự 1		6.0	B 2.50
CHG061	Quân sự 2		6.0	B 2.50
CHG071	Quân sự 3		7.0	B 3.00
ĐTBHK 6.25 ĐTBTL 6.25 ĐTB4 2.63 ĐBTTL4 2.63				
HK 2 - NH 07-08 - MX07				
ANH117	Tiếng Anh 2	4	5.0	C 2.00
HHC191	Hóa học	3.7	8.0	A 3.50
HVK102	Vẽ kỹ thuật	2.7	5.0	C 2.00
KCT016	Kinh tế chính trị	3.4	6.0	B 2.50
TDT031	Giáo dục thể chất 2		7.0	B 3.00
TOA035	Toán cao cấp 2	3.4	8.0	A 3.50
TOA243	Xác suất thống kê	2	6.0	B 2.50
VLY217	Vật lý 1	3.7	4.0	D 1.60

Tổng Số Tín Chỉ Đạt Chung: **79**

Điểm Trung Bình TL: **6.10** Hệ 4: **2.55**

Phân Loại: **Khá**

Người lập biểu

Nguyễn Hữu Hiệp

Mã MH	Tên Môn Học	TC	Điểm	Điểm hệ 4
ĐTBHK 6.00 ĐTBTL 6.11 ĐTB4 2.52 ĐBTTL4 2.57				
HK 1 - NH 08-09 - MX07				
ANH203	Tiếng Anh 3	4	6.0	B 2.50
COH072	Cơ lý thuyết	3.4	5.0	C 2.00
CXH017	Chủ nghĩa xã hội	2.7	6.0	B 2.50
SCH192	Kỹ thuật nhiệt	2.7	6.0	B 2.50
TDT051	Giáo dục thể chất 3		8.0	A 3.50
TOA144	Toán cao cấp 3	2	6.0	B 2.50
TOA332	Quy hoạch tuyến tính	1.3	8.0	A 3.50
VLY202	Vật lý 2	3	6.0	B 2.50
THT031	Thực tập xưởng	2	7.0	B 3.00
ĐTBHK 6.06 ĐTBTL 6.09 ĐTB4 2.53 ĐBTTL4 2.55				
HK 2 - NH 08-09 - MX07				
COH151	Cơ chất lỏng	2	8.0	A 3.50
DNT201	Kỹ thuật điện	2.7	5.0	C 2.00
LSD015	Lịch sử Đảng	2.7	6.0	B 2.50
MXD691	Vẽ kỹ thuật trên máy tính	1.3	6.0	B 2.50
SBN231	Sức bền vật liệu 1	2.7	5.0	C 2.00
SCH311	Nguyên lý máy	3.4	7.0	B 3.00
SCH741	Vật liệu kỹ thuật	2	6.0	B 2.50
ĐTBHK 6.12 ĐTBTL 6.10 ĐTB4 2.56 ĐBTTL4 2.55				

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Giai đoạn 2

Sinh Viên **ĐỖ HOÀNG DUY**
Ngày Sinh **10/08/1989**
Ngành **Kỹ thuật cơ khí**
Chuyên ngành **Máy xây dựng**

Mã SV **075114000**
Nơi Sinh **TP HCM**
Khóa Học **2007-2012**
Hệ Đào Tạo **Đại học chính quy**

BẢN SAO

Mã MH	Tên Môn Học	TC	Điểm	Điểm hệ 4
HK 1 - NH 09-10 - MX07				
091031	Sức bền vật liệu 2	3	5.9	C 2.00
081040	Cơ học kết cấu	3	4.2	D 1.00
083006	Công nghệ vật liệu	2	7.8	B 3.00
083003	Dung sai và Kỹ thuật đo	2	3.2	F+ 0.50
032040	Kỹ thuật điện tử	2	5.6	C 2.00
006800	Tiếng Anh kỹ thuật cơ khí	2	5.1	D+ 1.50
083004	ĐA TK hệ truyền động cơ khí	1	9.0	A 4.00
083002	Chi tiết máy	3	6.2	C+ 2.50
ĐTBHK 5.63 ĐTBTL 5.63 ĐTB4 1.92 ĐTBTL4 1.92				

HK 2 - NH 09-10 - MX07				
005002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Vắng	F 0.00
005004	Pháp luật đại cương	2	7.0	B 3.00
081041	Kết cấu kim loại máy trục	3	7.0	B 3.00
081042	ĐAMH Kết cấu kim loại máy trục	1	6.3	C+ 2.50
081043	Máy thủy lực	3	7.3	B 3.00
081046	Máy trục	3	7.0	B 3.00
082201	Động cơ đốt trong	3	5.2	D+ 1.50
092201	Ô tô máy kéo	2	6.2	C+ 2.50
ĐTBHK 5.91 ĐTBTL 5.77 ĐTB4 2.37 ĐTBTL4 2.15				

HK 1 - NH 10-11 - MX07				
005002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	7.5	B 3.00
005003	Đường lối CM của đảng CSVN	3	6.5	C+ 2.50
006803	Tiếng Anh chuyên ngành MXDựng	2	5.2	D+ 1.50
081039	Tin học C.Ngành MXD+MXDựng	1	8.9	A 4.00
081047	ĐAMH Máy trục	1	2.1	F+ 0.50
081054	CNCT & LR Máy xây dựng	3	7.4	B 3.00

Tổng Số Tín Chỉ Đạt Chung: **81**
Điểm Trung Bình TL: **6.39**
Phân Loại: **Trung bình**

Hệ 4: **2.42**

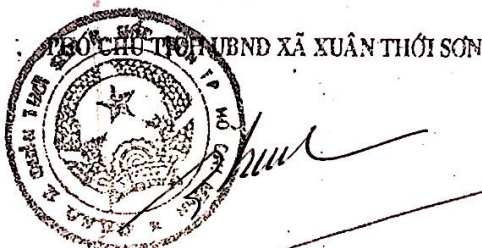
Người lập biểu

Nguyễn Hữu Hiệp

CHỨNG THỰC BẢN SAO
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số Chứng Thực: **13.14.1.16** SCT/BS

Ngày: **05-12-2018**



Nguyễn Văn Chông

Mã MH	Tên Môn Học	TC	Điểm	Điểm hệ 4
081148	Máy vận chuyển liên tục	2	7.1	B 3.00
081350	Trang bị điện MXD	2	2.9	F+ 0.50
081355	Máy làm đất	3	4.1	D 1.00
081357	Máy SXVL & CK xây dựng	2	5.1	D+ 1.50
ĐTBHK 5.74 ĐTBTL 5.97 ĐTB4 2.05 ĐTBTL4 2.19				
HK 2 - NH 10-11 - MX07				
081051	Điều khiển tự động MXD	2	7.8	B 3.00
081356	ĐAMH Máy làm đất	1	8.0	B+ 3.50
081359	Máy thi công chuyên dùng	2	8.3	B+ 3.50
081363	Thử nghiệm MXD & Nâng chuyển	2	6.6	C+ 2.50

081366	Thực tập chuyên môn	2	7.6	B 3.00
083003	Dung sai và Kỹ thuật đo	2	4.3	D 1.00
083007	Công nghệ CNC	2	6.5	C+ 2.50
415032	Kinh tế Máy xây dựng	2	6.6	C+ 2.50
082313	Công nghệ sửa chữa MXD & TKX	3	8.0	B+ 3.50
412003	Khoa học quản lý	2	5.4	D+ 1.50
081149	ĐAMH Máy vận chuyển liên tục	1	7.7	B 3.00
005005	TN Cuối khóa lý luận chính trị		7.0	B 3.00
ĐTBHK 6.95 ĐTBTL 6.31 ĐTB4 2.67 ĐTBTL4 2.37				

HK 1 - NH 11-12 - MX07				
081050	Trang bị điện MXD	2	6.2	C+ 2.50
081360	ĐAMH Máy TCCD	1	8.0	B+ 3.50
081367	Thực tập tốt nghiệp	3	9.0	A 4.00
081368	Làm tốt nghiệp	10	Hoãn	I Hoãn
082314	ĐAMH Công nghệ sửa chữa	1	5.0	D+ 1.50
081349	Kỹ thuật rung trong MXD	1	6.3	C+ 2.50
081803	Khai thác máy xây dựng	1	4.5	D 1.00
ĐTBHK 7.02 ĐTBTL 6.39 ĐTB4 2.83 ĐTBTL4 2.42				

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 02 năm 2012
PHÒNG ĐÀO TẠO



TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
Th.S. **Cổ Tấn Anh Vũ**

Ghi chú: Điểm TB tích lũy 2 GD = ((ĐTB GD1 x TC GD1) + (ĐTB GD2 x TC GD2)) / (TC GD1 + TC GD2)

CHỨNG CHỈ
BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM

Cấp cho: **ĐỖ HOÀNG DUY**

Sinh ngày: **10/08/1989** Nơi sinh: **Thành phố Hồ Chí Minh**

Đã hoàn thành chương trình

Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên đại học, cao đẳng

Từ ngày **10** tháng **06** năm **2018** đến ngày **10** tháng **09** năm **2018**

Hội đồng thi: **Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2**

Xếp loại: **Giỏi**

Hà Nội Ngày **04** tháng **10** năm **2018**

Số hiệu: **030139**

Số vào sổ cấp chứng chỉ: **1224**



PGS.TS. Nguyễn Quang Huy



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

Cấp cho: **Đỗ Hoàng Duy**

Sinh ngày: **10/08/1989** Nơi sinh: **Tp.HCM**

Đạt yêu cầu bài thi ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản tại Hội đồng thi:

Trung Tâm Tin Học – Trường ĐH. Khoa Học Tự Nhiên TP.HCM – Ngày thi: 13/01/2019

Kết quả: Điểm trắc nghiệm **6.0** Điểm thực hành **7.8**

Tp.HCM ngày **02** tháng **03** năm **2019**

Số hiệu: **0887261**

Số vào sổ cấp chứng chỉ: **BO/CB/2019/02044**



Phạm Thanh Minh

R.

CHỨNG CHỈ
NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH
TRÌNH ĐỘ B

Cấp cho: **ĐỖ HOÀNG DUY**

Sinh ngày: **10/08/1989**

Nơi sinh: **TP. Hồ Chí Minh**

Đã hoàn thành khoá học từ ngày tháng năm đến ngày **13 tháng 01 năm 2013**

Hội đồng kiểm tra: **Trường Đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh**

Xếp loại: **Trung bình**

TP. Hồ Chí Minh, Ngày **25** tháng **02** năm **2013**



Số hiệu: **A000023**

Số vào sổ cấp chứng chỉ: **K1/B023**

NGƯỜI PGS.TS. Nguyễn Văn Thư